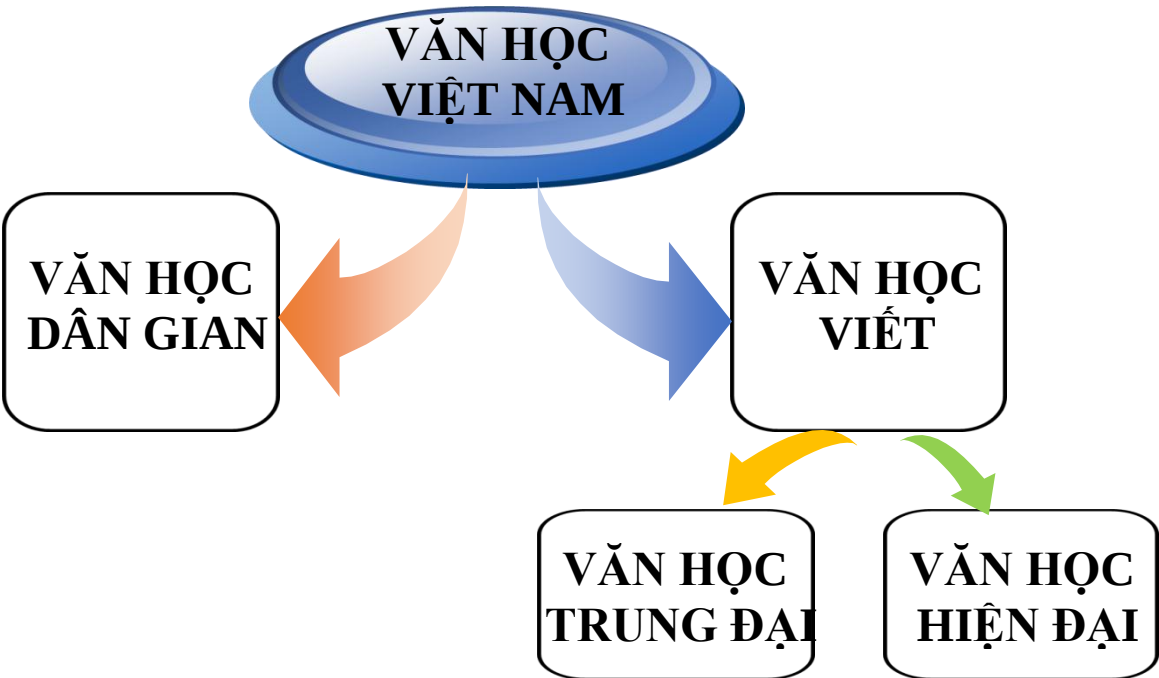


TỔNG QUAN VĂN HỌC VIỆT NAM

I. CÁC BỘ PHẬN HỢP THÀNH CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM

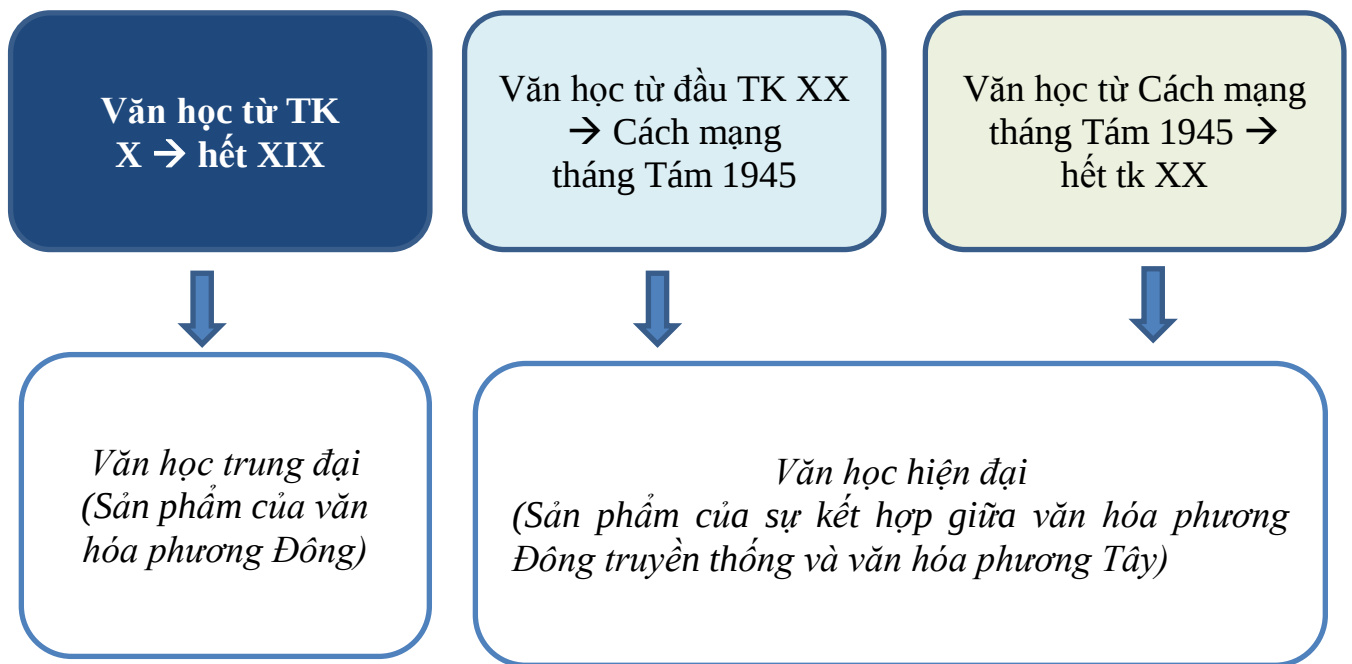


<i>Tiêu chí</i>	<i>Văn học dân gian</i>	<i>Văn học viết</i>
<i>Thời gian</i>	Ra đời từ rất sớm	Thế kỉ X.
<i>Khái niệm</i>	Là sáng tác tập thể của nhân dân lao động được truyền miệng từ đời này sang đời khác, thể hiện tiếng nói tình cảm chung của cộng đồng.	Là sáng tác của trí thức, được ghi lại bằng chữ viết, mang dấu ấn của tác giả.
<i>Lực lượng sáng tác</i>	Nhân dân lao động	Cá nhân trí thức.
<i>Chữ viết</i>	Không có chữ viết	Hán, Nôm, Quốc ngữ
<i>Đặc trưng</i>	- Tính tập thể, truyền miệng, dị bản. - Thực hành trong sinh hoạt	- Lưu truyền bằng chữ viết. - Tính cá thể, mang dấu ấn cá nhân sáng

	cộng đồng.	tạo.
Thể loại	- <u>Truyện cổ dân gian</u>: sử thi, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười... - <u>Trữ tình dân gian</u>: ca dao, truyện thơ... - <u>Sân khấu dân gian</u>: chèo, tuồng, cải lương...	- <u>VH chữ Hán</u>: văn xuôi (truyện, ký, tiểu thuyết chương hồi), thơ (thơ Đường luật, từ khúc...), Văn biên ngẫu (phú, cáo, văn tế) - <u>VH chữ Nôm</u>: thơ (thơ Nôm Đường luật, truyện thơ, ngâm khúc,...), văn biên ngẫu. - <u>VH chữ Quốc ngữ</u>: tự sự (tiểu thuyết, truyện ngắn, ký), trữ tình (thơ trữ tình, trường ca), kịch (kịch nói, kịch thơ)...

* Mqh: Văn học dân gian và văn học viết có mối quan hệ mật thiết, tương hỗ, cùng nhau phát triển.

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HỌC VIẾT VIỆT NAM



Tiêu chí	Văn học trung đại	Văn học hiện đại
Bối cảnh lịch sử	Xã hội phong kiến chịu ảnh hưởng của văn hóa phương Đông.	- Thực dân Pháp xâm lược nước ta → giao lưu văn hóa với các nước phương Tây. - Cách mạng tháng Tám thành công, đất

		nước giành độc lập. - Công cuộc đổi mới 1986.
Chữ viết và lực lượng sáng tác	Chữ Hán, chữ Nôm Trí thức, nhà Nho, tầng lớp quý tộc	Chữ Quốc ngữ Đội ngũ tác giả chuyên nghiệp, lấy việc viết văn làm nghề.
Nội dung	Cảm hứng yêu nước, nhân đạo và hiện thực.	- Chủ nghĩa yêu nước và văn học gắn liền với công cuộc giải phóng dân tộc. - Phản ánh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp CNH – HĐH đất nước. - Phản ánh con người toàn diện.
Thi pháp	Tính phi ngã, ước lệ, tượng trưng, tính sùng cổ.	Tả thực, chi tiết, đề cao tính sáng tạo, tính bản ngã.

III. CON NGƯỜI VIỆT NAM QUA VĂN HỌC

1. Con người Việt Nam trong thế giới tự nhiên

- *Văn học dân gian*:
 - + Tư duy huyền thoại: kể về quá trình nhận thức, cải tạo chinh phục tự nhiên, xây dựng cuộc sống, tích lũy hiểu biết thiên nhiên.
 - + Con người và thiên nhiên có mqh gắn bó, thân thiết.
- *Thơ ca trung đại*: Thiên nhiên gắn lý tưởng, đạo đức, thẩm mỹ.
- *Văn học hiện đại*: hình tượng thiên nhiên thể hiện qua tình yêu đất nước, cuộc sống, lứa đôi.

2. Quan hệ quốc gia dân tộc

Con người Việt Nam đã hình thành hệ thống tư tưởng yêu nước:

- *Trong văn học dân gian*: yêu làng xóm, căm ghét xâm lược...
- *Trong văn học trung đại*: Ý thức quốc gia dân tộc, truyền thống văn hiến lâu đời của dân tộc.
- *Trong văn học hiện đại* (đặc biệt là văn học cách mạng): đấu tranh giai cấp và lý tưởng chủ nghĩa xã hội.

=> ***Chủ nghĩa yêu nước là nội dung tiêu biểu, giá trị quan trọng của văn học Việt Nam.***

3. Quan hệ xã hội

- VH thể hiện tinh thần nhân đạo, tình yêu thương con người .
 - + Ví dụ : Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi), Truyện Kiều (Nguyễn Du)
 - + Tố cáo, phê phán các thế lực chuyên quyền và bày tỏ sự thông cảm với những người dân bị áp bức.
- Mơ ước về một xã hội công bằng, tốt đẹp.
- Nhận thức, phê phán, cải tạo xã hội.

=> ***Cảm hứng xã hội sâu đậm là tiền đề quan trọng cho sự hình thành chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa nhân đạo trong văn học.***

4. Ý thức cá nhân

VH Hình thành mô hình ứng xử và mẫu người lý tưởng liên quan đến cộng đồng:

- + Con người xã hội (hy sinh, cống hiến).
- + Hoặc con người cá nhân (hướng nội, nhân mạnh quyền cá nhân, hạnh phúc tình yêu, ý nghĩa cuộc sống trần thế)

Ví dụ: Truyền thuyết “ Sơn Tinh – Thủy Tinh”, Ca dao về tình yêu quê hương đất nước, Thơ Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh...

=> Xu hướng chung: Xây dựng đạo lý làm người với những phẩm chất tốt đẹp.

IV. TỔNG KẾT (ghi nhớ SGK)

Tiết 3

HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ

I. THẾ NÀO LÀ HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ?

1. Ngữ liệu 1 (tr. 14)

* **Nhân vật giao tiếp:** vua và các vị bô lão.

* **Cương vị:**

- Vua – đứng đầu triều đình, cai quản đất nước, lo cho muôn dân - bề trên.
- Các bô lão – người đại diện cho trăm họ - bề dưới.

* **Đổi vai:**

- Lượt 1,3: vua Trần nói - các bô lão nghe.
- Lượt 2,4: các bô lão nói - vua Trần nghe.

➤ **Đổi vai lần lượt.**

* **Hành động của vua Trần (nói):** hỏi các bô lão liệu tính ntn khi quân Mông Cổ hung hãn sang.

* **Hành động của các bô lão (nói):** xin đánh.

➤ **Hành động tương ứng:** lắng nghe.

* **Hoàn cảnh giao tiếp:**

- **Địa điểm:** điện Diên Hồng.
- **Thời điểm:** quân Nguyên xâm lược nước ta lần thứ 2 (1285).

* **Nội dung giao tiếp:**

- Bàn về nguy cơ cuộc chiến tranh xâm lược đã ở vào tình thế khẩn cấp.
- Đề cập đến vấn đề hòa hay đánh.

* **Mục đích giao tiếp:** thống nhất ý chí và hành động để chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

➤ **Mục đích đã thành công.**

2. Ngữ liệu 2 (tr. 15)

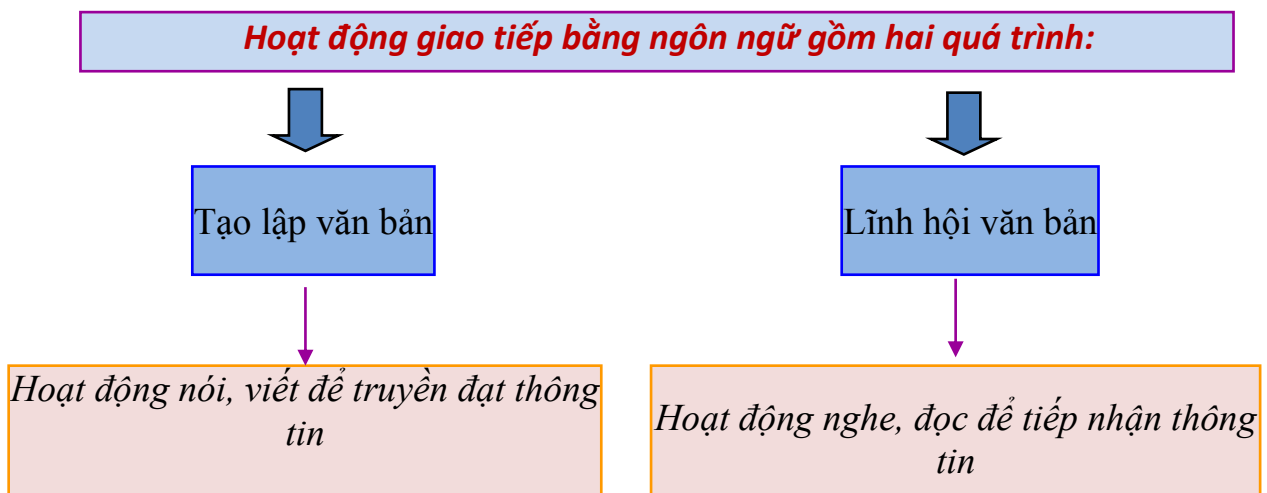
* **Các NVGT:**

- Người viết SGK.
- GV dạy Ngữ văn THPT.
- HS lớp 10 toàn quốc.
- * **Đặc điểm:**
 - Độ tuổi: 15 – 65.
 - Trình độ: giáo sư, GV THPT - HS lớp 10.
- * **Hoàn cảnh giao tiếp:** có tính chất quy phạm - tổ chức - mục đích - nội dung & tính chất pháp lí trong nhà trường.
- * **Nội dung giao tiếp:**
 - Lĩnh vực: văn học sử.
 - Đề tài: **Tổng quan văn học Việt Nam**
 - Vấn đề cơ bản: các bp hợp thành của VHVN; Tiến trình PT; Con người VN qua VH.
- * **Mục đích giao tiếp:**
 - Người viết: cung cấp cho người đọc cái nhìn tổng quát về VHVN.
 - Người đọc: lĩnh hội một cách tổng quát nhất về các bộ phận, tiến trình phát triển & con người VN qua VH.
- * **Phương tiện ngôn ngữ:** dùng nhiều từ ngữ của ngành KHXH, chuyên ngành Ngữ Văn như: *VHDG, VH viết, thể loại, văn xuôi, thơ, LSVH, VHTĐ, VHHD*.
- * **Kết cấu** rõ ràng với các đề mục lớn nhỏ thể hiện:
 - Tính mạch lạc: đề mục tách bạch, độc lập về nội dung.
 - Tính chặt chẽ: nội dung trong đề mục sáng rõ tiêu đề của VB “*Tổng quan văn học VN*”.

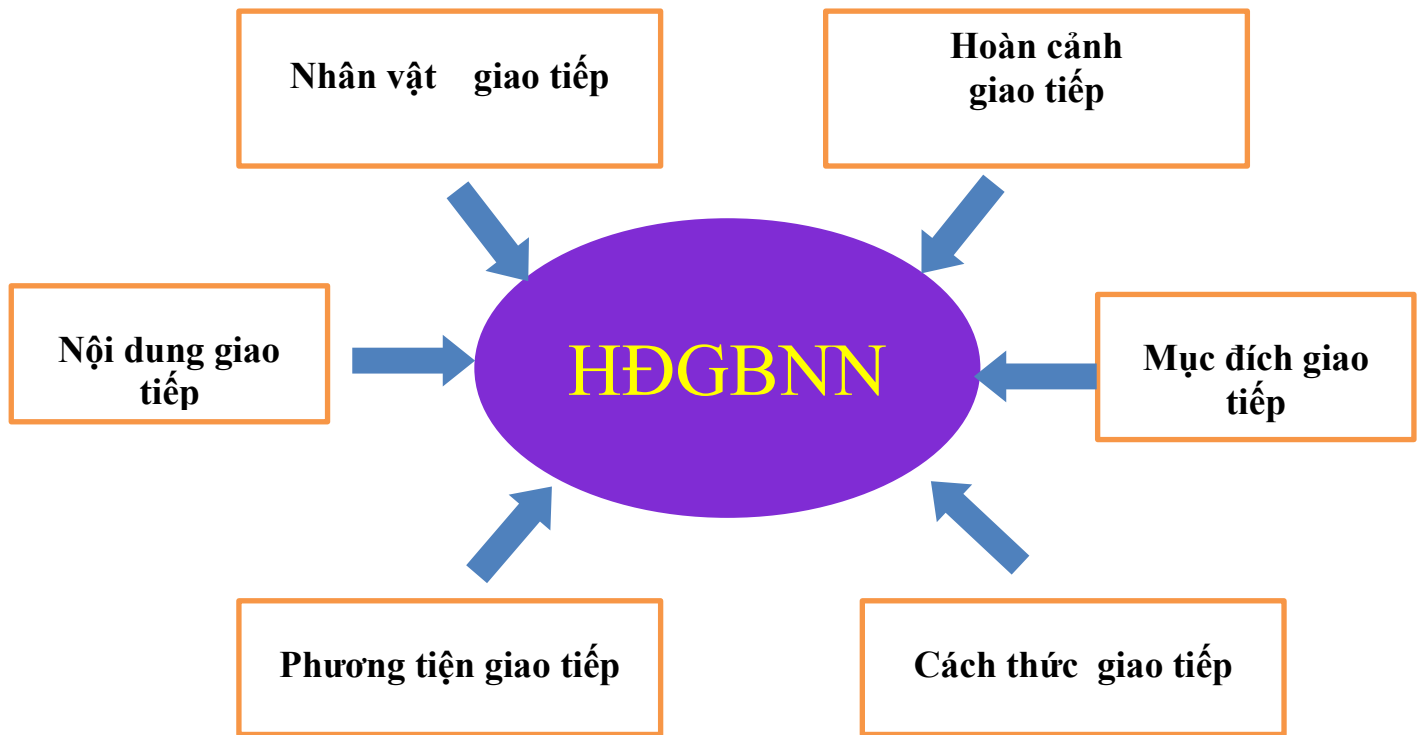
3. Khái niệm

HĐGT bằng ngôn ngữ là hoạt động trao đổi thông tin của con người trong Xh, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện ngôn ngữ (nói - viết) nhằm thực hiện mục đích về nhận thức, tình cảm, hành động,...

4. Quá trình của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ



5. Các nhân tố chi phối hoạt động giao tiếp



TUẦN 2:

KHÁI QUÁT VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

I. Khái niệm văn học dân gian:

Là sáng tác tập thể của nhân dân lao động được truyền miệng từ đời này sang đời khác, thể hiện tiếng nói tình cảm chung của cộng đồng.

II. Những đặc trưng cơ bản của văn học dân gian:

1. Tính truyền miệng

Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ tồn tại và lưu hành bằng phương thức truyền miệng:

- + Truyền miệng: Lưu truyền từ người này sang người khác, từ vùng này sang vùng khác (theo không gian) từ đời trước đến đời sau (theo thời gian) bằng lời nói hoặc bằng trình diễn chứ không phải bằng chữ viết (phương thức).
- + Quá trình truyền miệng được thực hiện qua diễn xướng dân gian: nói, kể, hát, diễn...
- + Truyền miệng dẫn tới tính dị bản.

2. Tính tập thể

- **Tập thể: gồm nhiều người, nghĩa rộng là cả cộng đồng.**

- **Quá trình sáng tác tập thể :**

- + Ban đầu: có thể do một người sáng tác
- + Sau đó: tập thể truyền miệng (qua nhiều người, nhiều địa phương, nhiều thế hệ), tác phẩm được sửa chữa, bổ sung cho hoàn chỉnh.
- + Cuối cùng: tác phẩm trở thành tài sản chung của tập thể.

III. Hệ thống thể loại của văn học dân gian:

Tự sự dân gian	thần thoại, sử thi, truyền huyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện thơ
Trữ tình dân gian	ca dao, vè
Nghị luận dân gian	tục ngữ, câu đố
Sân khấu dân gian	Chèo

IV. Những giá trị cơ bản của văn học dân gian :

1. **Vh dân gian là kho tri thức vô cùng phong phú về đời sống các dân tộc:**

- Văn học dân gian cung cấp tri thức về tự nhiên, xã hội, con người theo nhận thức của nhân dân, là những kinh nghiệm mà nhân dân đã đúc kết từ c/s.

VD: Tục ngữ: cung cấp kinh nghiệm

Truyện cổ tích Trầu cau: cho biết về tục ăn trầu

- Văn học dân gian của các dân tộc thiểu số cung cấp tri thức về đời sống đồng bào các dân tộc đó.

VD: Sử thi Đăm San: tục nổi dậy

Truyện thơ Tiễn dặn người yêu: Tục ở rể

- Trí thức ấy lại được trình bày bằng ngôn từ của nhân dân, nó vô cùng sinh động, hấp

dân người nghe.

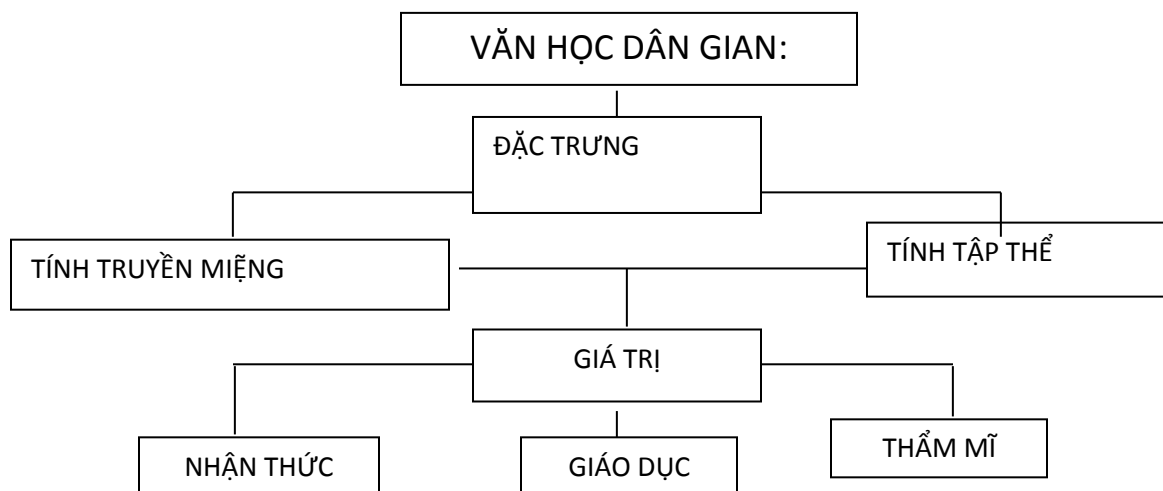
2. Văn học dân gian có giá trị giáo dục sâu sắc

VHDG giáo dục tinh thần yêu nước, tư tưởng nhân đạo, tôn vinh những giá trị con người, yêu thương con người và đấu tranh không mệt mỏi để giải phóng con người khỏi áp bức, bất công.

3. Văn học dân gian có giá trị thẩm mỹ to lớn góp phần quan trọng tạo nên bản sắc riêng cho nền văn học dân tộc

- Góp phần hình thành tư duy thẩm mỹ đúng đắn, tiến bộ:
- + Cái đẹp hài hoà, trong sáng, thanh cao.
- + Chiều sâu của cái đẹp là ở phẩm chất bên trong.
- Nhiều tác phẩm trở thành mẫu mực nghệ thuật.
- Là nguồn sữa tinh thần mát lành nuôi dưỡng tâm hồn các nghệ sĩ văn học viết.

*****Ghi nhớ nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy :**



- Chuẩn bị bài “Văn bản”, đọc văn bản, lưu ý một số nội dung:

- + Khái niệm, đặc điểm của văn bản
- + Các loại văn bản (lấy ví dụ minh họa)